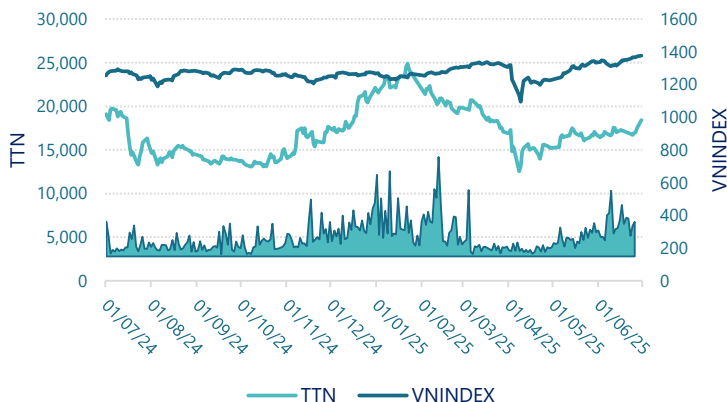




CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam (UPCOM: TTN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,540
SL cổ phiếu LH	36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	207,195
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	676
P/E	10.3
EPS	1,784

DT thuần

Q2/25

99.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0 | 33.7%

YoY: ▲ 12.2 | 14.0%

LN sau thuế

Q2/25

19.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.20 | 12.7%

YoY: ▲ 0.90 | 4.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

24.5%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

6T 2025

174

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0 | 13.1%

LN sau thuế

6T 2025

36.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.80 | 15.4%

ROE

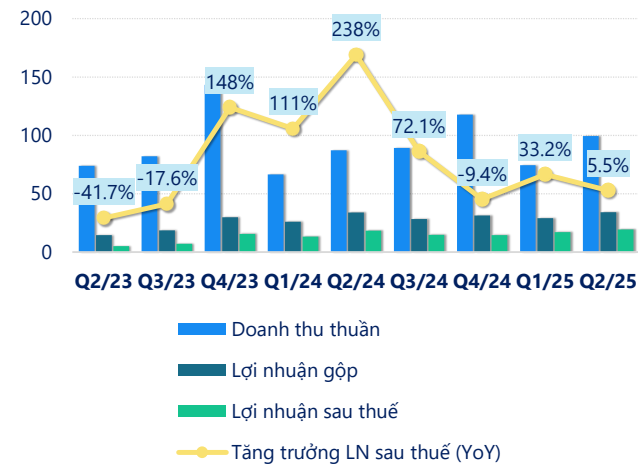
Q2/25

14.3%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

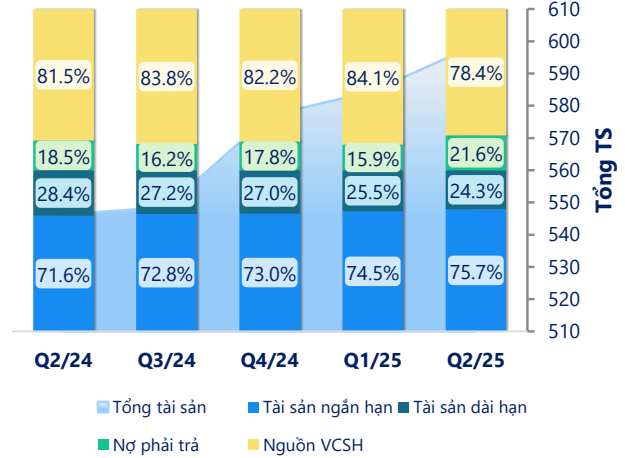
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

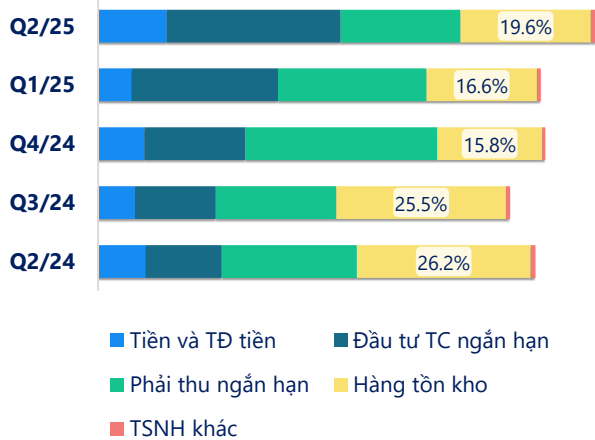
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



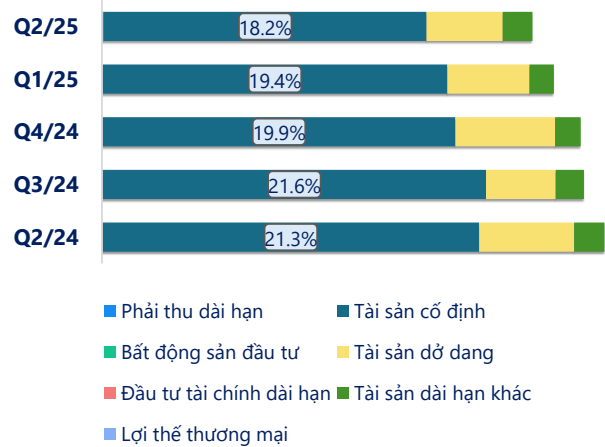
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

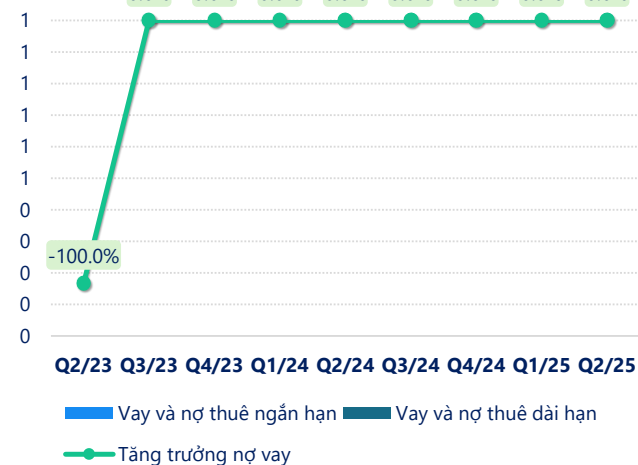
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

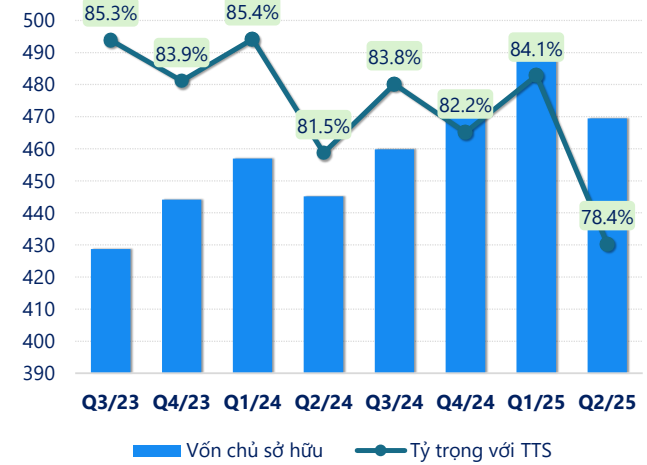
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

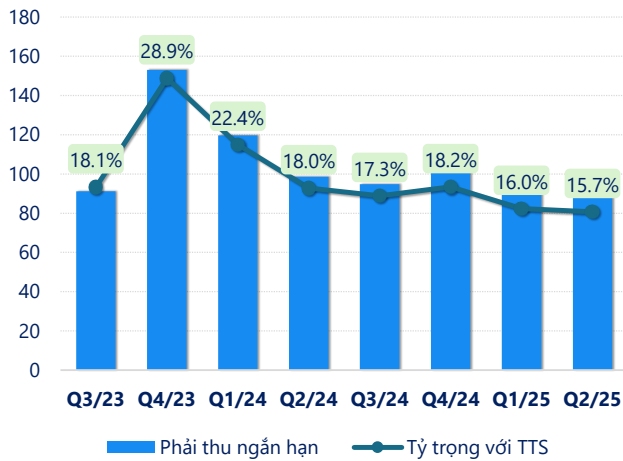
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



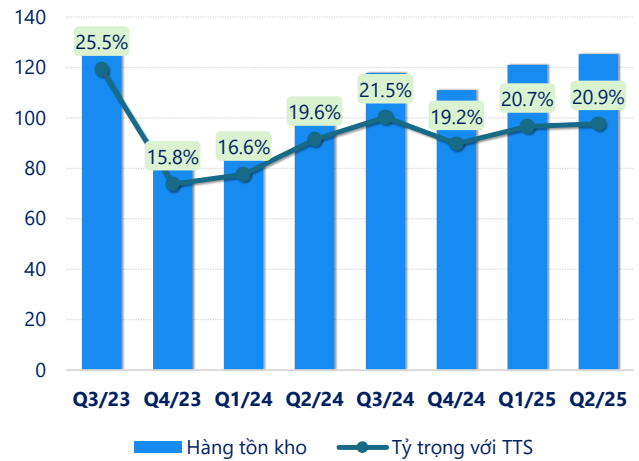
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


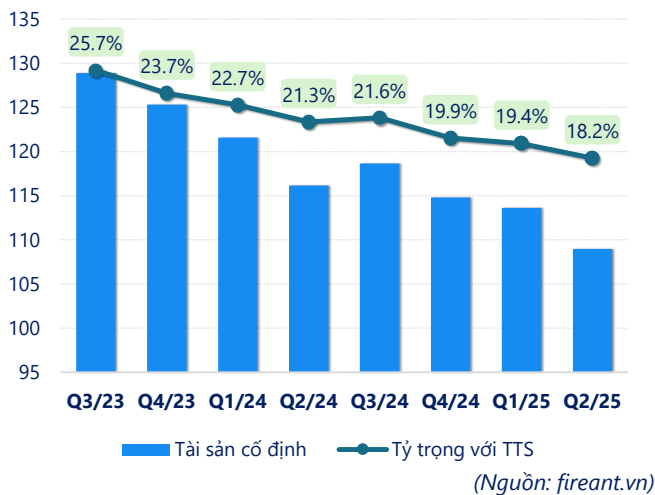
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


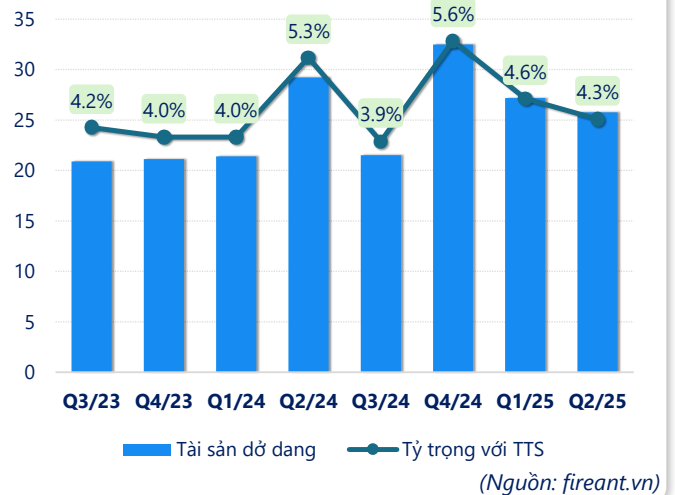
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

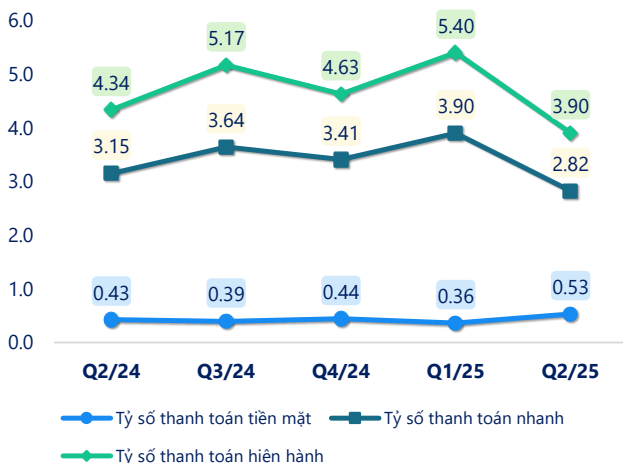
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

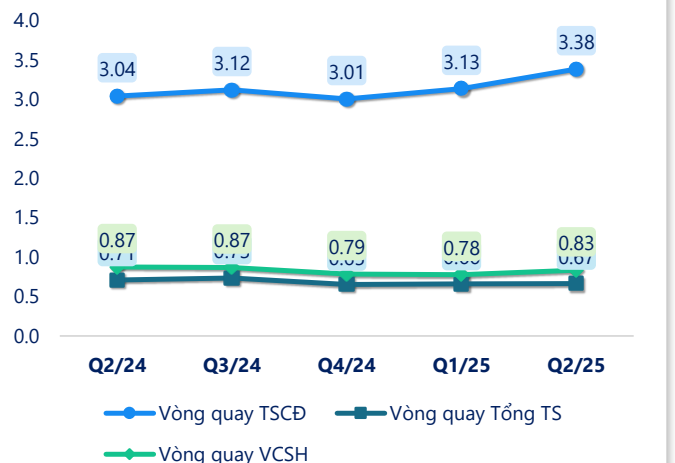
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	546	549	577	585	599
Tài sản ngắn hạn	391	399	421	436	453
Tiền và tương đương tiền	38.7	30.4	40.1	29.3	61.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	153	163	188	169
Phải thu ngắn hạn	98.6	94.8	105	93.6	94.0
Hàng tồn kho	107	118	111	121	125
Tài sản ngắn hạn khác	4.00	3.78	2.83	3.66	3.86
Tài sản dài hạn	155	149	156	149	145
Phải thu dài hạn	0.15	0.23	0.24	0.25	0.68
Tài sản cố định	116	119	115	114	109
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	29.2	21.5	32.5	27.2	25.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.37	8.75	8.25	7.99	10.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	101	88.7	103	92.8	129
Nợ ngắn hạn	90.2	77.3	91.0	80.6	116
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	37.8	21.7	35.8	26.7	29.8
Nợ dài hạn	10.9	11.4	11.7	12.1	13.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	445	460	474	492	469
Vốn chủ sở hữu	445	460	474	492	469
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)